

Phụ lục

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU

Gói thầu số 1: Mua hóa chất xét nghiệm sinh hoá

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TT YT ngày /3/2023 của Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ)

Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Long Thủy

Địa chỉ: 45/10 Trần Thái Tông, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 02854484082 Email: info@longthuy.com.vn

STT	MSDT	Phân nhóm theo TT14/2020-TT-BYT	Tên hàng hóa	Tên thương mại, chủng loại, mã sản phẩm	Quy cách kỹ thuật/đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lưu hành, Số giấy phép nhập khẩu	ĐVT	Số lượng	Giá trúng thầu (đồng)(*)	Thành tiền (đồng)
1	HC1	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALBUMIN	ALBUMIN; ALB 440	*Thành phần: Bromocresol green 0.21 mmol/l; Succinate Buffer 100 mmol/l; Sodium Azide 0.5 g/l. * Lọ 44ml * Hộp 10 lọ x44ml	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Lọ	20	51.400	1.028.000
2	HC2	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALPHA AMYLASE	ALPHA AMYLASE (SINGLE REAGENT); AMY 110	*Thành phần: MES buffer 50 mmol/l; Calcium Chloride 3.81 mmol/l; Sodium Chloride 300 mmol/l; Potassium Thiocyanate 450 mmol/l; Sodium Azide 13.85 mmol/l ; CNPG 0.91 mmol/l. *Lọ 22ml. * Hộp 5 lọ x 22ml	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Lọ	25	274.000	6.850.000
3	HC3	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CHOLESTEROL	CHOLESTEROL; CHOL 440	*Thành phần: Good's Buffer 50 mmol/l; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l; Cholesterol esterase ≥ 200 U/l; Cholesterol oxidase ≥ 50 U/l; Peroxidase ≥ 3 Ku. * Lọ 44ml * Hộp 10 lọ x 44 ml	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Lọ	100	121.800	12.180.000
4	HC4	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GLUCOSE	GLUCOSE;GLU 440	*Thành phần: Phosphate buffer 250 mmol/l; Glucose oxidase >25 U/ml;Peroxidase >2 U/ml; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l. * Lọ 44ml * Hộp 10 lọ x 44ml	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Lọ	100	76.020	7.602.000
5	HC5	N3	Hóa chất dùng xét nghiệm Protein toàn phần	TOTAL PROTEIN;TP 440	*Thành phần: Copper II Sulphate 12 mmol/l; Potassium Sodium Tartrate 31.9 mmol/l; Potassium Iodide 30.1 mmol/l; Sodium Hydroxide 0.6mol/l. * Lọ 44ml * Hộp 10 lọ x 44ml	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Lọ	20	71.400	1.428.000

STT	MSDT	Phân nhóm theo TT14/2020-TT-BYT	Tên hàng hóa	Tên thương mại, chủng loại, mã sản phẩm	Quy cách kỹ thuật/dóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lưu hành, Số giấy phép nhập khẩu	ĐVT	Số lượng	Giá trúng thầu (đồng)(*)	Thành tiền (đồng)
6	HC6	N3	Hóa chất dùng xét nghiệm Calcium toàn phần	CALCIUM; CA120	*Thành phần: Arsenazo III 0.10 mmol/l; Phosphate buffer (pH 7.8 ± 0.1) 50 mmol/l. * Lọ 12ml * Hộp 10 lọ x 12 ml	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Lọ	150	49.800	7.470.000
7	HC7	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm TRIGLYCERIDES	TRIGLYCERIDES; TG 440	*Thành phần: R1: PIPES buffer (pH 7.0) 50 mmol/l; ATP 2.85 mmol/l; Mg 60 mmol/l ; Glycerol Kinase (GK) 1.5 U/ml; Glycerol-3-phosphate oxidase (GPO) 6.0 U/ml; Toos 0.48 mmol/l. R2: Peroxidase 15.0 U/ml; Lipoprotein Lipase 25.0 U/ml. * Hộp 10 lọ x 44 ml	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Lọ	100	156.500	15.650.000
8	HC8	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm URIC ACID	URIC ACID (SINGER REAGENT); UA440	*Thành phần: Pipes Buffer (pH 7.0) 50 mmol/l TOOS 0.48 mmol/l Uricase 200 U/l Peroxidase 5000 U/l 4-Aminoantipyrine 1.5 mmol/l. * Lọ 44ml * Hộp 10 lọ x 44 ml	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Lọ	60	143.850	8.631.000
9	HC9	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT)	ALT/GPT; ALT/GPT 330	* Thành phần: - R1: Tris Buffer (pH 7.5) 137.5 mmol/l; L-Alanine 709 mmol/l; LDH (microbial) ≥ 2000 U/l. - R2: CAPSO 20 mmol/l; 2-oxoglutarate 85 mmol/l; NADH 1.05 mmol/l. * Bộ gồm: R1: 01 lọ 44ml, R2: 01 lọ 11ml.	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Bộ	180	134.925	24.286.500
10	HC10	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST)	AST/GOT; AST/GOT 330	* Thành phần: R1 :Tris buffer (pH 7.8) 110 mmol/l; L-aspartic acid 340 mmol/l; LDH ≥ 4000 U/l; MDH ≥ 750 U/l. R2: CAPSO 20 mmol/l ; 2-oxoglutarate 85 mmol/l; NADH 1.05 mmol/l. * Bộ gồm: R1: 01 lọ 44ml , R2: 01 lọ 11ml.	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Bộ	180	134.925	24.286.500

STT	MSDT	Phân nhóm theo TT14/2020-TT-BYT	Tên hàng hóa	Tên thương mại, chủng loại, mã sản phẩm	Quy cách kỹ thuật/dóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lưu hành, Số giấy phép nhập khẩu	ĐVT	Số lượng	Giá trúng thầu (đồng)(*)	Thành tiền (đồng)
11	HC11	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	BILIRUBIN DIRECT; BIL D 330	* Thành phần: R1: Sulphanilic Acid 28.87 mmol/l; HCl 23 mmol/l R2: Sodium Nitrite 2.9 mmol/l. *Bộ gồm: R1: 01 lọ 44ml, R2: 01 lọ 11ml.	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Bộ	12	164.500	1.974.000
12	HC12	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	BILIRUBIN TOTAL; BIL T 330	*Thành phần: R1: Sulphanilic Acid 28.87 mmol/l; HCl 58.8 mmol/l; Cetrimide 68.6 mmol/l. R2: Sodium Nitrite 2.90 mmol/l. * Bộ gồm: R1: 01 lọ 44ml, R2: 01 lọ 11ml.	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Bộ	12	164.500	1.974.000
13	HC13	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CREATININE	CREATININE; CREA 275	* Thành phần: R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l. R2: Picric Acid 26 mmol/l. * Bộ gồm: R1: 01 lọ 44ml, R2: 01 lọ 11ml.	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Bộ	100	80.400	8.040.000
14	HC14	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm UREA	UREA; UREA 275	*Thành phần: R1: Tris Buffer 100 mmol/l; a-Ketoglutarate 5.49 mmol/l; Urease (Jack Bean) ≥10 KU/l; GLDH (Microorganism) ≥ 2.5 KU/l. R2: NADH 1.66 mmol/l. *Bộ gồm: R1:1 lọ 44 ml , R2: 1 lọ 11ml	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Bộ	60	169.050	10.143.000
15	HC15	N3	Hóa chất định lượng Gamma Glutamyl Tranferase (GGT)	GAMMAGLUTAMYL TRANSFERAS; GGT 110	* Thành phần: + Dung dịch R1 TR1 Tris buffer (pH 8.25) 125 mmol/l Glycyl Glycine 125 mmol/l + Dung dịch R2 L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l. *Bộ gồm: R1: 01 lọ 44ml, R2: 01 lọ 11ml.	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Bộ	30	291.000	8.730.000

STT	MSDT	Phân nhóm theo TT14/2020-TT-BYT	Tên hàng hóa	Tên thương mại, chủng loại, mã sản phẩm	Quy cách kỹ thuật/dóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lưu hành, Số giấy phép nhập khẩu	ĐVT	Số lượng	Giá trúng thầu (đồng)(*)	Thành tiền (đồng)
16	HC16	N3	Hóa chất định lượng Ethanol	ALCOHOL Ethanol	* Đo nồng độ cồn trong huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần hoặc nước tiểu người. *Thành phần: R1-Enzyme coenzyme (NAD+, ADH, TRIS Buffer, Stabiliser, Preservatives); R2 - Standard. * Bộ gồm: R1: 10 lọ 10ml, R2: 01 lọ 5ml.	Biolabo S.A.S	Pháp	220003482/P CBB-HN	Bộ	2	2.050.000	4.100.000
17	HC17	N3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm High-Density Lipoprotein (HDL) CHOLESTEROL	HDL DIRECT; HDL C 160	* Thành phần: R1: MES buffer (pH 6.5) 6.5 mmol/l; TODD N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline) 3 mmol/l; Polyvinyl sulfonic acid 50 mg/l; Polyethylene-glycol-methyl ester 30 ml/l ; MgCl2 2 mmol/. R2: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l; Cholesterol esterase 5 kU/l; Cholesterol oxidase 20 kU/l; Peroxidase 5 kU/l; 4-aminoantipyrine 0.9 g/l; Detergent 0.5 %. * Bộ gồm: R1: 1 lọ 30ml, R2: 1 lọ 10ml.	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Bộ	24	688.000	16.512.000
18	HC18	N3	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	XL Wash; XSYS0066	*Thành phần: Sodium hydroxide: 0,5-<1%, Polyethylene glycol dodecyl ether with > 5-20 mol ethylene oxide: 0,25-<1%; Emulsifier K30: 0,25-<1% *Hộp 4 lọ x 100ml	Erba Lachema S.R.O;	CH Séc	220001880/P CBA-HN	Lọ	60	242.550	14.553.000
19	HC19	N3	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy và High-Density Lipoprotein (HDL), Low-Density Lipoprotein (LDL) mức bình thường	ERBA NORM	* Thành Phần: Huyết thanh người đông khô với các chất phụ gia sinh học ở nồng độ bên trong phạm vi tham chiếu. * Hộp gồm: R1: 4 lọ 5 ml; R2: 1 lọ 20 ml.	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Bộ	16	326.550	5.224.800
20	HC20	N3	Chất chuẩn dùng cho các thông số xét nghiệm sinh hoá	XL MULTICAL	*Thành phần: Huyết thanh người lyophilised có chứa số lượng điều chỉnh của các chất phân tích sau đây: Alkaline Phosphatase, Alanine Aminotransferase, Aspartate Aminotransferase, Albumin, Amylase, Calcium, Creatinine, G- Glutamate Transpeptidase, Total Protein, Urea, Uric Acid, Glucose, Triglycerides, Direct and Total Bilirubin * Lọ 3ml	Erba Lachema S.R.O; CH Séc	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Lọ	56	424.200	23.755.200

STT	MSDT	Phân nhóm theo TT14/2020- TT-BYT	Tên hàng hóa	Tên thương mại, chủng loại, mã sản phẩm	Quy cách kỹ thuật/dóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lưu hành, Số giấy phép nhập khẩu	ĐVT	Số lượng	Giá trúng thầu (đồng)(*)	Thành tiền (đồng)
21	HC21	N3	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HDL và LDL	HDL/LDL CAL	* Thành Phần: Huyết thanh người lyophilised có chứa số lượng điều chỉnh của các chất phân tích sau đây: HDL- Cholesterol, LDL-Cholesterol * Lọ 1 ml	Erba Lachema S.R.O	CH Séc	220001301/P CBB-BYT	Lọ	2	1.082.025	2.164.050
			Danh mục gồm 21 mặt hàng							Tổng giá trị:		206.582.050
			Bảng chữ: Hai trăm lẻ sáu triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, không trăm năm mươi đồng.									

(*) Đơn giá trúng thầu bao gồm tất cả các chi phí liên quan như: giá bán; thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có); phí vận chuyển,...đến tận khoa Dược của TTYT huyện Phù Mỹ